TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1910/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Ngọc Thực.

2/ Ông Nguyễn Thành Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 620/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5930/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1974
Địa chỉ: Đường N, Phường Đ, quận B, Thành phố M.

Bị đơn: Ông Le Vu P, sinh năm 1973
Quốc tịch: Hoa Kỳ
Địa chỉ: PL.Garden Grove CA 92843, USA.
(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/12/2018, bản tự khai ngày 23/01/2019 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Bà và ông Le Vu P tự nguyện kết hôn vào năm 2007, theo giấy chứng nhận kết hôn số 1462, quyển số 7 ngày 20/4/2007 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn bà và ông Le Vu P chung sống với nhau được khoảng 01 tháng đến tháng 5/2007 ông Le Vu P trở về Hoa Kỳ để làm việc. Sau khi ông Le Vu P sang Hoa Kỳ hai ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Đến tháng 03/2008 ông Le Vu P trở về Việt Nam thăm bà và ở tại Việt Nam 01

tháng. Sau đó ông lại trở về Hoa Kỳ, từ cuối năm 2008 đến nay ông Le Vu P không trở về Việt Nam, bà và ông Le Vu P không gặp nhau và không còn liên lạc với nhau. Nay bà nhận thấy ông Le Vu P đang ở Hoa Kỳ còn bà sinh sống và làm việc tại Việt nam, hai bên không còn chung sống với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu được ly hôn với ông Le Vu P để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L khai không có.

Ngày 11/3/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 120/UTTPDS-TA30 về việc thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư Pháp yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thông báo việc thụ lý vụ án và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa xét xử.

Ngày 16/4/2019, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 890/CH-BTP về việc thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo đó, đề nghị Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thực hiện ủy thác tư pháp đối với ông Le Vu P.

Ngày 28/6/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Công văn số 1958/BTP-PLQT về kết quả ủy thác tư pháp đối với ông Le Vu P, theo đó Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ đã thực hiện thành công ủy thác nêu trên.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 19/12/2019 tuy nhiên bị đơn ông Le Vu P vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi xét xử lý do bận công việc, bà xin giữ nguyên các ý kiến của bà trong đơn khởi kiện, bản tự khai và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Le Vu P.

Bị đơn ông Le Vu P đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Le Vu P không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về " Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có

mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L khai không còn tình cảm với ông Le Vu P, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L có cơ sở chấp nhận. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị Mỹ L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết : Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, bị đơn ông Le Vu P đang cư trú tại Hoa Kỳ, giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; điểm a khoản 2 Điều 38 ; Điều 464 ; Điều 465 ; điểm g khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 124 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Ông Le Vu P đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử. Nhưng ông vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Le Vu P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 1462, quyển số 7 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2007 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Le Vu P là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ L khai rằng bà và ông Le Vu P chung sống với nhau được khoảng 01 tháng đến tháng 5/2007 ông Le Vu P trở về Hoa Kỳ để làm việc. Sau khi ông Le Vu P sang Hoa Kỳ hai ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Đến tháng 03/2008 ông Le Vu P trở về Việt Nam thăm bà và ở tại Việt Nam 01 tháng. Sau đó ông lại trở về Hoa Kỳ, từ cuối năm 2008 đến nay ông Le Vu P không trở về Việt Nam, bà và ông Le Vu P không gặp nhau và không còn liên lạc với nhau. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung

thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau ; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình ; có nghĩa vụ cùng sống với nhau trong khi hai vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Le Vu P mỗi người một nơi nên tình cảm vợ chồng không còn điều kiện vun đắp. Tòa án cũng đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông Le Vu P để thông báo ngày hòa giải, xét xử nhưng vẫn không thấy ông Le Vu P trả lời cho thấy ông Le Vu P không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ L ly hôn ông Le Vu P là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Con chung : Bà Nguyễn Thị Mỹ L khai không có

[2.3] Tài sản chung và nợ chung : Bà Nguyễn Thị Mỹ L khai không có.

[3] Án phí :

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Do Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ đã nhận được chi phí thực tế ủy thác tư pháp do bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chuyển khoản. Bà Nguyễn Thị Mỹ L đã đóng đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 ; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 469; điểm a khoản 5 Điều 477 ; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 ; Điều 53 ; Điều 54; khoản 1 Điều 56 ; Điều 57 ; Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L.

1/ Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn ông Le Vu P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1462, quyển số 07 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2007 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung : Không có.

3/ Về tài sản chung: Không.

4/ Về nợ chung : Không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0045897 ngày 25/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Mỹ L đã đóng đủ.

7/ Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L và bị đơn ông Le Vu P; thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với ông Le Vu P thời hạn kháng cáo bản án là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương